

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Kim Dung và bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thủy, là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên
tòa:** ông Trần Mạnh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 53A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bàn Thị G, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn K, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Bàn Sinh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị G trình bày:

Về tình cảm: chị Bàn Thị G và anh Bàn Sinh T kết hôn với nhau ngày 30 tháng 9 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị G và anh T về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, chị G và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên

xảy ra cãi vã, có lúc xảy ra xô xát. Hiện nay, chị G và anh T đã sống ly thân, chị G chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn K, xã T, thành phố H; còn anh T vẫn sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H. Nay, xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G ly hôn với anh T.

Về con chung: chị G và anh T có 02 con chung là Bàn Văn Q, sinh ngày 26/12/2016 và Bàn Văn V, sinh ngày 19/9/2019. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị G đề nghị Tòa án giải quyết: chị G nuôi con chung Bàn Văn V, còn anh T nuôi con chung Bàn Văn Q cho đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Tại phiên toà, chị G thay đổi yêu cầu về người trực tiếp nuôi con chung: chị G đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị G cấp dưỡng nuôi hai con chung Bàn Văn Q và Bàn Văn V, mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung Bàn Văn Q, Bàn Văn V đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Bàn Sinh T: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại bản tự khai của anh T gửi cho Toà án, anh T có quan điểm: đề nghị Toà án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị G. Về con chung, anh T yêu cầu Toà án giải quyết: giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh T yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:***

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy anh T đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bàn Thị G: xử cho chị G ly hôn với anh Bàn Sinh T.

Về con chung: giao con chung Bàn Văn Q, sinh ngày 26/12/2016 và Bàn Văn V, sinh ngày 19/9/2019 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Bàn Văn Q và Bàn Văn V thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Bàn Văn Q và Bàn Văn V, mỗi con chung 1.725.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: chị G không đề nghị giải quyết, nên không đề nghị.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 căn cước công dân (bản sao), 01 Xác nhận thông tin cư trú (bản chính), 02 Giấy khai sinh (bản sao), Chi tiết tài khoản khách hàng (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: bản tự khai.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị G và anh T đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị G về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh T. Tổng đạt trực tiếp hoặc lập biên bản giao cho trưởng thôn và yêu cầu trưởng thôn cam kết giao lại tận tay ngay các văn bản tố tụng đó cho

anh T, bảo đảm quy định về thủ tục cấp tổng đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về người trực tiếp nuôi con chung: quá trình giải quyết vụ án chị G đề nghị Tòa án giải quyết: chị được quyền trực tiếp nuôi con chung Bàn Văn V và đề nghị Tòa án giao con chung Bàn Văn Q cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị G thay đổi yêu cầu, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T là là người trực tiếp nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con. Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: việc chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện như nêu trên không vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 188 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Bàn Thị G, các tài liệu chứng cứ do chị G cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị G và anh T kết hôn với nhau năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Biên bản xác minh ngày 29/5/2024, tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H thể hiện nội dung: chị G và anh T sau khi kết hôn về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống với nhau hai bên có xảy ra mâu thuẫn, không đề nghị thôn hoà giải. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị G đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống. Hiện nay, chị G và anh T đã sống ly thân. Ngoài ra, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tại bản tự khai mà anh T gửi cho Tòa án, anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị G. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G: xử cho chị G ly hôn với anh T.

Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị G và anh T có 02 con chung là Bàn Văn Q, sinh ngày 26/12/2016 và Bàn Văn V, sinh ngày 19/9/2019. Đến nay, chị G đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; tại bản tự khai mà anh T gửi cho Tòa án, anh T đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, tại Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Bàn Văn Q thì cháu Q có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Xét yêu cầu của chị G về người trực tiếp nuôi con phù hợp với ý kiến của anh T và nguyện vọng của con chung. Căn cứ Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp

nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con như nêu trên của nguyên đơn: cần giao hai con chung Bàn Văn Q và Bàn Văn V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên toà, chị G trình bày chị G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con chung Bàn Văn Q và Bàn Tài V1, mỗi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên; tại bản tự khai, anh T yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi hai con chung Bàn Văn Q và Bàn Tài V1, mỗi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*.

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thì chị Bàn Thị G, cư trú tại thành phố H (thuộc vùng IV), mức lương tối thiểu của vùng IV theo tháng là 3.450.000 đồng. Như vậy mức cấp dưỡng cho con do Tòa án quyết định sẽ không thấp hơn 1.725.000 đồng/01 tháng/ 01 con.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì chị G có thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ quy định tại Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 nêu trên và căn cứ mức thu nhập thực tế của chị G, Hội đồng xét xử quyết định, chị G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.725.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung Bàn Văn Q, Bàn Văn V đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị G không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị G phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 188, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bàn Thị G:

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Bàn Thị G ly hôn với anh Bàn Sinh T.

Về con chung: giao con chung Bàn Văn Q, sinh ngày 26/12/2016 và Bàn Văn V, sinh ngày 19/9/2019 cho anh Bàn Sinh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bàn Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bàn Văn Q, Bàn Văn V, mỗi con chung 1.725.000 (một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng/01 tháng; thời hạn cấp dưỡng: kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung Bàn Văn Q, Bàn Văn V đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Bàn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000460 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chị Bàn Thị G còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND xã Đồng Lâm, tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc An

